

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 2326 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 08 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán Quy hoạch chung đô thị Nghĩa Trang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 17/2013/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng; Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh về đơn giá khảo sát xây dựng tỉnh Thanh Hóa và các văn bản quy định pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ, dự toán lập quy hoạch chung đô thị Nghĩa Trang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1834/TTr-STC-HCSN ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc dự toán quy hoạch chung đô thị Nghĩa Trang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán quy hoạch chung đô thị Nghĩa Trang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Dự toán kinh phí thực hiện: 1.255 triệu đồng

Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi lăm triệu đồng (Chi tiết theo phụ lục dự toán kèm theo).

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế dành cho các dự án quy hoạch trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Xây dựng (chủ đầu tư) có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch chung đô thị Nghĩa Trang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước;
- Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan đề xuất trình UBND tỉnh bố trí phần vốn thuộc ngân sách tỉnh cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

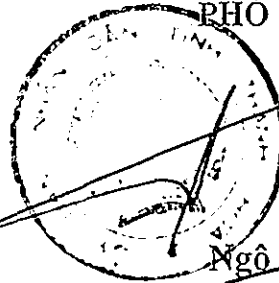
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H2.(2017)QDPPD_DT QH DT Nghia Trang.doc

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Tuấn

Phụ Lục 1a

DỰ TOÁN LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ NGHĨA TRANG, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. Căn cứ áp dụng

- * Thông tư số 01/2013/TT-BXD của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.
- * Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước
- Quy mô dân số quy hoạch: 10.000 dân, tiêu chí đô thị loại V
- Áp dụng Bảng 8 Thông tư 01/2013/TT-BXD. Định mức chi phí lập đồ án quy hoạch chung đô thị
- Định mức chi phí lập quy hoạch chung đô thị Nghĩa Trang là 665.000.000 đ

II. Dự toán chi tiết

	Hạng mục	Giá gốc tương ứng quy mô (đồng)	Hệ số áp dụng(%)	Thành tiền (đ)	Thuế VAT (10%)	Thành tiền (đ)
A	Chi phí lập quy hoạch					
I	Chi phí lập quy hoạch (1)	665,000,000	100	665,000,000	66,500,000	731,500,000
II	Chi phí lập nhiệm vụ QH (2)	665,000,000	8.28	55,062,000	5,506,200	60,568,200
	Cộng (I + II)					792,068,200
B	Chi phí khác					152,534,548
1	Chi phí thẩm định nhiệm vụ (3)	55,062,000	20.00	11,012,400		11,012,400
2	Chi phí thẩm định đồ án QH (4)	665,000,000	7.81	51,936,500		51,936,500
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ (5)	665,000,000	7.34	48,811,000		48,811,000
4	Chi phí lấy ý kiến nhân dân (6)	665,000,000	2.00	13,300,000		13,300,000
5	Chi phí công bố QH (7)	665,000,000	3.00	19,950,000		19,950,000
6	Chi phí đi thực địa phục vụ công tác thẩm định	tạm tính		10,000,000		
7	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu (9)	665,000,000		4,330,000		
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (10)	792,068,200	0.95	7,524,648		7,524,648
9	Chi phí kiểm toán (11)	792,068,200		0		0
	Tổng A + B					944,602,748
	Làm tròn					945,000,000

(1), (2).....(7): Theo Điều 5, Thông tư 01/2013/TT-BXD;

(8): Theo bảng 12 TT 01/2013/TT-BXD

(9) : Theo Điều 9, Nghị định 63 NĐ/2014/NĐ-CP

(10), (11): Theo Điều 21, Thông tư 09/2016/TT-BTC.

Phụ lục 1b

DỰ TOÁN CHI TIẾT KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH LẬP QUY HOẠCH CHUNG
ĐÔ THỊ NGHĨA TRANG, HUYỆN HOẢNG HÓA, TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030
 (Kèm theo Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

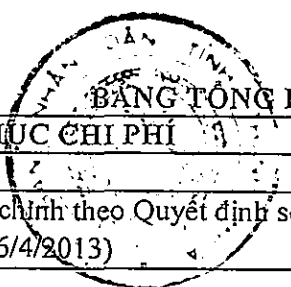
I. Cơ sở lập dự toán:

- * Căn cứ Thông tư 17/2013/TT-BXD ngày 30/10/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;
- * Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT ngày 27/02/2007 của Bộ tài nguyên môi trường về việc hướng dẫn lập dự toán kinh phí đo đạc bản đồ và quản lý đất đai;
- * Căn cứ Thông tư 05/2011/TT-BXD ngày 09/06/2011 của Bộ Xây dựng về việc quy định kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ QH và thiết kế XD
- * Căn cứ đơn giá khảo sát xây dựng tỉnh Thanh Hóa (Công bố kèm theo quyết định số: 3595/QĐ-UBND ngày 01/11/2011 của UBND tỉnh
- * Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh đơn giá nhân công
- * Căn cứ khối lượng thực hiện: (330-94) ha = 236 ha

II. Dự toán chi tiết:

Đơn vị tính: đồng

Mã hiệu	Danh mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá chi tiết			Thành tiền		
				Vật liệu	Nhân công	Máy	VL	NC	M
	Đường chuyên cấp 1	Điểm	22						
CK.04202	Cấp địa hình II	Điểm	4	139,782	3,582,796	21,457	559,128	14,331,184	85,828
CK.04203	Cấp địa hình III	Điểm	4	139,782	4,789,064	25,990	559,128	19,156,256	103,960
	Đường chuyên cấp 2	Điểm							
CK.04202	Cấp địa hình II	Điểm	7	20,236	1,368,304	10,972	141,652	9,578,128	76,804
CK.04203	Cấp địa hình III	Điểm	6	20,236	1,726,584	13,357	121,416	10,359,504	80,142
	Đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1: 2000, đường đồng mức (1.0 m)	Ha							
CM.04102	Cấp địa hình II	100ha	1.00	129,340	24,629,472	318,507	129,340	24,629,472	318,507
CM.04103	Cấp địa hình III	100ha	1.00	140,681	38,654,588	438,966	140,681	38,654,588	438,966
CM.04104	Cấp địa hình IV	100ha	0.36	143,641	49,601,020	652,984	51,711	17,856,367	235,074
	Cộng:						1,703,056	134,565,499	1,339,281



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THÀNH KHẢO SÁT

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH GIÁ THÀNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
1	Chi phí vật liệu		1,703,056	VL
2	Chi phí nhân công (điều chỉnh theo Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 16/4/2013)		140,485,201	NC
3	Chi phí máy		1,339,281	M
I	Chi phí trực tiếp	$T = VL + NC + M$	143,527,538	T
II	Chi phí chung	$P = 65\% * NC$	91,315,381	P
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	$TN = 6\% * (P+T)$	14,090,575	TL
IV	Giá thành khảo sát xây dựng	$Gks = T + P + TN$	248,933,494	Gks
4	Chi phí lập phương án + báo cáo kỹ thuật	$Cpa = 5\% * Gks$	12,446,675	Cpa
5	Chỗ ở tạm thời	$Cot = 3\% * Gks$	7,468,005	Cot
6	Chi phí vận chuyển quân và thiết bị	$Cvc = 2ca \times 1.500.000 \text{ đ/1ca}$		Cvc
7	Chi phí mua số liệu, tìm điểm tọa độ, độ cao nhà	$Ctd = 3 \times 500.000 \text{ đ/1 điểm}$		Ctd
V	Giá trị khảo sát trước thuế:	$G = Gks + Cpa + Cot + Cvc + Ctd$	268,848,174	G
8	Thuế giá trị gia tăng:	$VAT = G * 10\%$	26,884,817	VAT
VI	Giá trị khảo sát sau thuế:	$Gdt = G + VAT$	302,909,368	Gdt
9	Chi phí quản lý	$QLDA = 5\% * T$		QLDA
10	Chi phí kiểm tra, thẩm định nghiệm thu	$KT = 5\% * T$	7,176,377	KT
VII	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu	$Clnt = Clhs + Ctdhs + Cđghs + Ctđlkq +$	0	Clnt
	Tổng cộng	$Tdt = Gdt + QLDA + KT + Clnt + Ctt + Ckt$	310,085,745	Tdt
	Làm tròn		310,000,000	